

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-ST
Ngày 22-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Nhũ.

Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2019/TLST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

2. Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: K, thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2019 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày: Trước đây, ngày tháng ông không nhớ rõ, ông có cho vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S vay tiền. Đến ngày 25 tháng 6 năm 2019 thì hai bên có đối chiếu nợ với nhau và vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S thừa nhận có nợ ông số tiền vay là

89.000.000 đồng và có lập giấy xác nhận nợ. Lãi suất cho vay bằng 1.500.000 đồng/01 tháng. Nhưng trước đó, vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S có trả trước cho ông số tiền là 5.300.000 đồng, khi lập giấy xác nhận nợ thì chưa trừ khoản tiền này. Nên nay đối trừ, số tiền mà vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S còn nợ ông là 83.700.000 đồng. Số tiền còn nợ vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S không tiếp tục trả cho ông, nên nay ông yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S trả lại cho ông số tiền 83.700.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi do nhà nước quy định kể từ ngày 25/6/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S để đòi lại tiền cho vay còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Đồng thời, bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S là có căn cứ.

[2] Xét về quan hệ tranh chấp thì theo ông Nguyễn Việt S xác định là vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S vay tiền của ông nhưng không trả nên ông kiện vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S để đòi lại tiền. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung thì ông Nguyễn Việt S xác định là vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S vay tiền của ông và còn nợ ông số tiền 89.000.000 đồng, có trả được 5.300.000 đồng, còn nợ lại 83.700.000 đồng. Do vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S không trả số tiền còn lại cho ông, nên ông kiện đòi.

Để chứng minh cho lời khai của mình, ông Nguyễn Việt S đã cung cấp cho Tòa án một “Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ”, một “Giấy biên nhận nợ tiền” và một “Phiếu thanh toán” lập ngày 25/6/2019, do bà Huỳnh Thị T ký xác lập. Nội dung các giấy tờ trên thể hiện số nợ đúng như lời khai của ông Nguyễn Việt S và số tiền mà vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S còn nợ là 83.700.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S không có ý kiến phản đối về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Từ đó, có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S nợ ông Nguyễn Việt S số tiền 83.700.000 đồng và buộc bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S trả cho ông Nguyễn Việt S là phù hợp.

Xét về lãi suất cho vay, thì ông Nguyễn Việt S cho rằng ông với vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S thỏa thuận cho vay với mức lãi suất bằng 1.500.000 đồng/01 tháng. Nhưng ông Nguyễn Việt S không chứng minh được mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận. Từ đó, nghĩ nên áp dụng mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự để buộc bà Huỳnh Thị T, ông Lê Hoàng S trả cho ông Nguyễn Việt S là phù hợp. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 25/6/2019 đến ngày 22/5/2020 thời gian vay tương đương 10 tháng 27 ngày. Lãi suất tính bằng: $83.700.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 10 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 7.602.000 \text{ đồng}$. Tổng vốn và lãi mà bà Huỳnh Thị T, ông Lê Hoàng S phải trả cho ông Nguyễn Việt S bằng 91.302.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Việt S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 91.302.000 đồng (Chín mươi một triệu ba trăm lẻ hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S phải chịu 4.565.000 đồng. Ông Nguyễn Việt S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 2.093.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019704 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Thị T và ông Lê Hoàng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương